TÊN SỞ, BAN, UBND CÁC XÃ

DANH MỤC TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH CẤP TỈNH VÀ UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN CẤP TỈNH NĂM 2026

CHÚ Ý:

Căn cứ nội dung hướng dẫn ở cột (3) để tổng hợp tài liệu minh chứng ghi ở cột (2) tương ứng với các tiêu chí ở cột (1).

Tài liệu, số liệu minh chứng ghi rõ số hiệu, ngày tháng, trích yếu nội dung của văn bản đầy đủ; mỗi số liệu, văn bản là một hàng excel; nếu có nhiều

TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG (theo hướng dẫn cột 3 và chú ý phía trên)	HƯỚNG DẪN
(1)	(2)	(3)
A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT ĐỂ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC		
A.1. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo	**Đơn vị liệt kê tài liệu, số liệu minh chứng** ***(Từng văn bản ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung…)***	**Nội dung này thuộc trách nhiệm tổng hợp, báo cáo và cung cấp tài liệu minh chứng của cấp tỉnh**; các sở, ban, ngành và UBND cấp xã không phải cung cấp hồ sơ, tài liệu minh chứng đối với tiêu chí này.
A.2. Đánh giá việc thực hiện của các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị; xã, phường, đặc khu		
A.2.1. Thực hiện xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật để PCTNLPTC	Ví dụ: Văn bản số 68/UBND ngày 20/8/2026 của UBND xã….. về việc xây dựng hoàn thiệt pháp luật về PCTNLPTC	Liệt kê các văn bản về xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật để PCTNLPTC năm 2026 (Ví dụ: Công văn góp ý dự thảo luật, nghị định, nghị quyết, quyết định QPPL; tờ trình xây dựng văn bản; văn bản kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định về tài chính, đất đai, tài sản công, chống lãng phí...) và các báo cáo kết quả thực hiện có nội dung liên quan.

A.2.2. Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật để PCTNLPTC		Liệt kê các văn bản về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL để PCTNLPTC năm 2026 (Ví dụ: Kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản QPPL; văn bản rà soát theo yêu cầu của cấp trên; danh mục văn bản đã rà soát; văn bản kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy định không còn phù hợp...) và các báo cáo kết quả thực hiện có nội dung liên quan.
A.2.3. Thực hiện Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí trong năm		
A.2.3.1. Ban hành Chương trình		Liệt kê các văn bản về ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026 (Ví dụ: Quyết định ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí; Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026 của cơ quan, đơn vị, địa phương).
A.2.3.2. Kết quả thực hiện		Liệt kê các báo cáo kết quả thực hiện Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026 (Ví dụ: Báo cáo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; báo cáo kết quả tiết kiệm ngân sách, quản lý, sử dụng tài sản công, xử lý tài sản dôi dư...) và các tài liệu chứng minh những nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn theo Chương trình.
A.2.4. Thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật để PCTNLPTC		
A.2.4.1. Ban hành kế hoạch		Liệt kê các kế hoạch về phổ biến, giáo dục pháp luật để PCTNLPTC năm 2026 (Ví dụ: Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật; kế hoạch công tác tư pháp; kế hoạch PCTNLPTC; kế hoạch tuyên truyền pháp luật; kế hoạch hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam...) có nội dung tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTNLPTC.
A.2.4.2. Kết quả thực hiện		Liệt kê các báo cáo kết quả phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTNLPTC năm 2026 (Ví dụ: Báo cáo công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; báo cáo công tác tư pháp; báo cáo PCTNLPTC; báo cáo kết quả tổ chức hội nghị tuyên truyền, tập huấn...) và các tài liệu chứng minh nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn (tin, bài, tài liệu tuyên truyền, hình ảnh hội nghị...).

A.2.5. Thực hiện việc kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật để PCTNLPTC		Liệt kê các văn bản về kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản QPPL để PCTNLPTC năm 2026 (Ví dụ: Kế hoạch kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật; kết luận kiểm tra; văn bản kiến nghị xử lý vi phạm, bất cập trong thi hành pháp luật về tài chính, đất đai, tài sản công, chống lãng phí...) và các báo cáo kết quả thực hiện có nội dung liên quan, nêu rõ nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn và tài liệu chứng minh.
B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG		
B.1. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước		
B.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật trong một số lĩnh vực		
B.1.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch các thủ tục hành chính		Liệt kê các văn bản, tài liệu về thực hiện công khai, minh bạch thủ tục hành chính năm 2026 (Ví dụ: Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính; văn bản chỉ đạo, hướng dẫn niêm yết, công khai thủ tục hành chính; báo cáo cải cách hành chính, báo cáo kiểm soát thủ tục hành chính...) và tài liệu chứng minh việc công khai trên Cổng/Trang thông tin điện tử, tại Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc địa điểm theo quy định.
B.1.1.2. Kết quả thực hiện công khai về tiết kiệm, chống lãng phí		Liệt kê các nội dung, văn bản, báo cáo đã thực hiện công khai về tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026 (Ví dụ: Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí; báo cáo kết quả thực hiện; thông tin về quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản công, mua sắm, đầu tư...) và tài liệu chứng minh việc công khai theo quy định; đồng thời xác định tổng số nội dung thuộc diện phải công khai.
B.1.1.3. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch quy tắc ứng xử của người có chức vụ quyền hạn		Liệt kê các văn bản, tài liệu về công khai quy tắc ứng xử năm 2026 (Ví dụ: Quyết định ban hành quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy chế văn hóa công sở; văn bản triển khai, niêm yết quy tắc ứng xử; báo cáo công tác PCTNLPTC...) và tài liệu chứng minh việc công khai, phổ biến đến cán bộ, công chức, viên chức.

B.1.1.4. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức		Liệt kê các văn bản, tài liệu về công khai tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức năm 2026 (Ví dụ: Kế hoạch, thông báo tuyển dụng; quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng; thông báo, quyết định liên quan đến bổ nhiệm; báo cáo công tác tổ chức cán bộ...) và tài liệu chứng minh việc công khai theo quy định. Trường hợp không phát sinh tuyển dụng, bổ nhiệm, báo cáo rõ.
B.1.1.5. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về ngân sách nhà nước		Liệt kê các văn bản, tài liệu về công khai ngân sách nhà nước năm 2026 (Ví dụ: Quyết định giao, điều chỉnh dự toán ngân sách; báo cáo công khai dự toán, quyết toán ngân sách; báo cáo tình hình thực hiện ngân sách; báo cáo công khai tài chính...) và tài liệu chứng minh việc công khai theo quy định.
B.1.1.6. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tài sản công		Liệt kê các văn bản, tài liệu về công khai tài sản công năm 2026 (Ví dụ: Báo cáo kê khai, công khai tài sản công; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công; quyết định mua sắm, điều chuyển, thanh lý, xử lý tài sản công; báo cáo công khai tài chính...) và tài liệu chứng minh việc công khai theo quy định.
B.1.1.7. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất		Liệt kê các văn bản, tài liệu về công khai quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất năm 2026 (Ví dụ: Quyết định phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch; thông báo công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; văn bản tổ chức niêm yết, công bố quy hoạch; báo cáo quản lý đất đai...) và tài liệu chứng minh việc công khai trên Cổng/Trang thông tin điện tử, tại trụ sở hoặc địa điểm theo quy định (Link công khai).
B.1.1.8. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật		Liệt kê các nội dung, văn bản, tài liệu đã thực hiện công khai trong quá trình xây dựng văn bản QPPL năm 2026 (Ví dụ: Dự thảo văn bản QPPL đăng tải lấy ý kiến; thông báo lấy ý kiến góp ý; hồ sơ dự thảo; báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý...) và tài liệu chứng minh việc công khai theo quy định; đồng thời xác định tổng số nội dung thuộc diện phải công khai.
B.1.2. Kết quả thực hiện kiểm soát xung đột lợi ích (XĐLI)		

B.1.2.1. Việc ban hành văn bản triển khai rà soát XĐLI		Liệt kê các văn bản chỉ đạo, triển khai rà soát xung đột lợi ích năm 2026 (Ví dụ: Kế hoạch PCTNLPTC có giao nhiệm vụ rà soát xung đột lợi ích; công văn chỉ đạo, hướng dẫn, yêu cầu rà soát, báo cáo tình hình xung đột lợi ích; kế hoạch hoặc văn bản tổ chức kiểm tra, rà soát xung đột lợi ích...).
B.1.2.2. Báo cáo rà soát XĐLI		Liệt kê các báo cáo kết quả rà soát xung đột lợi ích năm 2026 (Ví dụ: Báo cáo chuyên đề về rà soát, kiểm soát xung đột lợi ích; báo cáo công tác PCTNLPTC có nội dung kết quả rà soát xung đột lợi ích; báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát có nội dung liên quan...).
B.1.2.3. Kết quả rà soát XĐLI		Báo cáo cụ thể số trường hợp xung đột lợi ích phát hiện qua rà soát trong năm 2026; số trường hợp đã xử lý, chưa xử lý, nguyên nhân và tài liệu chứng minh kết quả xử lý (nếu có). Trường hợp không phát hiện xung đột lợi ích, báo cáo rõ kết quả rà soát.
B.1.3. Kết quả thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn (ĐM, CĐ, TC)		
B.1.3.1. Việc ban hành văn bản để kiểm tra việc thực hiện ĐM, CĐ, TC		Liệt kê các văn bản chỉ đạo, tổ chức kiểm tra việc thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn năm 2026 (Ví dụ: Kế hoạch kiểm tra, tự kiểm tra nội bộ; quyết định kiểm tra việc quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản công; công văn chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ, chế độ, tiêu chuẩn, định mức...).
B.1.3.2. Kết quả thực hiện kiểm tra việc thực hiện ĐM, CĐ, TC		Liệt kê các văn bản, báo cáo kết quả kiểm tra việc thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn năm 2026 (Ví dụ: Báo cáo kết quả tự kiểm tra nội bộ; báo cáo kiểm tra tài chính, ngân sách, tài sản công; biên bản, kết luận kiểm tra; báo cáo công tác PCTNLPTC có nội dung kiểm tra chế độ, định mức, tiêu chuẩn...) và tài liệu chứng minh các nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn.
B.1.4. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử		Liệt kê các văn bản, báo cáo về kết quả thực hiện quy tắc ứng xử năm 2026 (Ví dụ: Quyết định ban hành quy tắc ứng xử, quy chế văn hóa công sở; văn bản triển khai thực hiện quy tắc ứng xử, đạo đức công vụ; báo cáo kiểm tra công vụ, báo cáo cải cách hành chính, báo cáo PCTNLPTC có nội dung thực hiện quy tắc ứng xử...) và tài liệu chứng minh các nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn.
B.1.5. Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức		

B.1.5.1. Việc ban hành kế hoạch		Liệt kê các kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác năm 2026 (Ví dụ: Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác của cơ quan, đơn vị; quyết định phê duyệt kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác; kế hoạch có danh mục vị trí và thời hạn phải chuyển đổi...).
B.1.5.2. Kết quả thực hiện		Liệt kê các văn bản, báo cáo kết quả chuyển đổi vị trí công tác năm 2026 (Ví dụ: Báo cáo kết quả chuyển đổi vị trí công tác; quyết định điều động, bố trí, chuyển đổi vị trí công tác; báo cáo công tác tổ chức cán bộ, báo cáo PCTNLPTC có nội dung chuyển đổi vị trí công tác...).
B.1.5.3. Việc chuyển đổi đối với vị trí có nguy cơ tham nhũng cao và phù hợp với vị trí việc làm		Báo cáo kết quả rà soát, xác định các vị trí thuộc diện phải chuyển đổi trong năm 2026, đặc biệt là những vị trí có nguy cơ tham nhũng cao; số vị trí đã chuyển đổi, chưa chuyển đổi, nguyên nhân và tài liệu chứng minh (Ví dụ: Danh mục vị trí phải chuyển đổi, kế hoạch chuyển đổi, quyết định chuyển đổi vị trí công tác...).
B.1.6. Kết quả thực hiện cải cách hành chính		Nội dung này thuộc trách nhiệm tổng hợp, báo cáo và cung cấp tài liệu minh chứng của cấp tỉnh; các sở, ban, ngành và UBND cấp xã không phải cung cấp hồ sơ, tài liệu minh chứng đối với tiêu chí này.
B.1.7. Ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý		Nội dung này thuộc trách nhiệm tổng hợp, báo cáo và cung cấp tài liệu minh chứng của cấp tỉnh; các sở, ban, ngành và UBND cấp xã không phải cung cấp hồ sơ, tài liệu minh chứng đối với tiêu chí này.
B.1.8. Kết quả thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam		**Nội dung này thuộc trách nhiệm tổng hợp, báo cáo và cung cấp tài liệu minh chứng của cấp tỉnh**; các sở, ban, ngành và UBND cấp xã không phải cung cấp hồ sơ, tài liệu minh chứng đối với tiêu chí này.
B.1.9. Kết quả thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)		**Nội dung này thuộc trách nhiệm tổng hợp, báo cáo và cung cấp tài liệu minh chứng của cấp tỉnh**; các sở, ban, ngành và UBND cấp xã không phải cung cấp hồ sơ, tài liệu minh chứng đối với tiêu chí này.
B.1.9.1. Lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai TSTN.		- Liết kê Văn bản triển khai, Kế hoạch về thực hiện kê khai công khai TSTN năm 2026, kèm theo Danh sách đối tượng kê khai theo quy định.
B.1.9.2. Kết quả kê khai, công khai bản kê khai TSTN		- Liệt kê Biên bản công khai, Báo cáo kết quả thực hiện

B.1.9.3. Việc ban hành, phê duyệt kế hoạch xác minh TSTN trong năm		**Nội dung này thuộc trách nhiệm tổng hợp, báo cáo và cung cấp tài liệu minh chứng của cấp tỉnh**; các sở, ban, ngành và UBND cấp xã không phải cung cấp hồ sơ, tài liệu minh chứng đối với tiêu chí này.
B.1.9.4. Kết quả xác minh TSTN trong năm		**Nội dung này thuộc trách nhiệm tổng hợp, báo cáo và cung cấp tài liệu minh chứng của cấp tỉnh**; các sở, ban, ngành và UBND cấp xã không phải cung cấp hồ sơ, tài liệu minh chứng đối với tiêu chí này.
B.1.10. Thực hiện quy định về trách nhiệm của người đứng đầu		
B.1.10.1. Việc chỉ đạo của Chủ tịch UBND cấp tỉnh xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.		**Nội dung này thuộc trách nhiệm tổng hợp, báo cáo và cung cấp tài liệu minh chứng của cấp tỉnh**; các sở, ban, ngành và UBND cấp xã không phải cung cấp hồ sơ, tài liệu minh chứng đối với tiêu chí này.
B.1.10.2. Việc tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh theo quy định		Nội dung này thuộc trách nhiệm tổng hợp, báo cáo và cung cấp tài liệu minh chứng của cấp tỉnh; các sở, ban, ngành và UBND cấp xã không phải cung cấp hồ sơ, tài liệu minh chứng đối với tiêu chí này.
B.1.10.3. Tiếp công dân của Người đứng đầu Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có chức năng tiếp công dân		**Nội dung này thuộc trách nhiệm báo cáo của các Sở, Ban cấp tỉnh; các xã, phường không phải cung cấp hồ sơ, tài liệu minh chứng đối với tiêu chí này.:** Liệt kê các văn bản, tài liệu về việc tiếp công dân của người đứng đầu cơ quan chuyên môn năm 2026 (Ví dụ: Quy chế tiếp công dân; thông báo lịch tiếp công dân định kỳ; sổ, biên bản tiếp công dân; thông báo kết quả tiếp công dân; báo cáo công tác tiếp công dân...) và tài liệu chứng minh việc thực hiện đầy đủ chế độ tiếp công dân theo quy định.
B.1.10.4. Tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp xã theo Luật Tiếp công dân		**Nội dung này thuộc trách nhiệm của UBND các xã, phường; các Sở, Ban không phải cung cấp hồ sơ, tài liệu minh chứng đối với tiêu chí này.:** Liệt kê các văn bản, tài liệu về việc tiếp công dân của Chủ tịch UBND xã, phường năm 2026 (Ví dụ: Quy chế tiếp công dân; thông báo lịch tiếp công dân định kỳ; sổ, biên bản tiếp công dân; thông báo kết luận, chỉ đạo xử lý sau tiếp công dân; báo cáo công tác tiếp công dân...) và tài liệu chứng minh việc Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện tiếp công dân đầy đủ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 15 Luật Tiếp công dân.

B.1.11. Việc thực hiện cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí		**Chưa có hướng dẫn cụ thể nội dung này**
B.2. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước		Nội dung này thuộc trách nhiệm tổng hợp, báo cáo và cung cấp tài liệu minh chứng của cấp tỉnh; các sở, ban, ngành và UBND cấp xã không phải cung cấp hồ sơ, tài liệu minh chứng đối với tiêu chí này.
B.2.1. Thực hiện quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm soát nội bộ		**Nội dung này thuộc trách nhiệm tổng hợp, báo cáo và cung cấp tài liệu minh chứng của cấp tỉnh**; các sở, ban, ngành và UBND cấp xã không phải cung cấp hồ sơ, tài liệu minh chứng đối với tiêu chí này.
B.2.2. Thực hiện các biện pháp công khai, minh bạch		
B.2.3. Thực hiện kiểm soát, xung đột lợi ích		
B.2.4. Thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu trong việc báo cáo kết quả áp dụng các biện pháp phòng ngừa tham nhũng		
C. VIỆC PHÁT HIỆN THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC		
C.1. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra		Báo cáo kết quả các cuộc kiểm tra, giám sát đã thực hiện trong năm 2026 theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương. Trong đó, thống kê riêng tổng số cuộc kiểm tra, giám sát; số cuộc có phát hiện hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Đối với các cuộc có phát hiện, liệt kê cụ thể tên cuộc, nội dung vi phạm và tài liệu chứng minh (Ví dụ: Kế hoạch, quyết định kiểm tra, giám sát; báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát; biên bản, kết luận kiểm tra; văn bản xử lý vi phạm...). Trường hợp không phát hiện hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực hoặc không tổ chức kiểm tra, giám sát thì báo cáo rõ.

C.2. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực hoặc thông tin được cung cấp dưới hình thức khác theo quy định của pháp luật		Báo cáo kết quả tiếp nhận, xử lý các tin phản ánh, đơn tố cáo, báo cáo có liên quan đến tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong năm 2026. Trong đó, thống kê riêng theo từng nguồn (phản ánh, tố cáo, báo cáo): Tổng số tin phản ánh, đơn tố cáo, báo cáo đã tiếp nhận có liên quan đến PCTNLPTC; số vụ việc phát hiện có hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua từng nguồn. Đối với các vụ việc có phát hiện, liệt kê cụ thể nội dung vụ việc, kết quả xử lý và tài liệu chứng minh (Ví dụ: Báo cáo kết quả xử lý phản ánh, tố cáo; báo cáo giải quyết khiếu nại, tố cáo; kết luận nội dung tố cáo; báo cáo công tác PCTNLPTC; văn bản xử lý vi phạm...).
C.3. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua điều tra		Báo cáo kết quả tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và kết quả khởi tố điều tra các vụ án liên quan đến tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong năm 2026. Trong đó, thống kê tổng số vụ việc tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố có liên quan đến tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; số vụ án đã được khởi tố điều tra. Đối với các vụ án đã khởi tố, liệt kê cụ thể tên vụ án, hành vi vi phạm và tài liệu chứng minh (Ví dụ: Báo cáo kết quả điều tra, xử lý tội phạm; báo cáo kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm; quyết định khởi tố vụ án...).
D. VIỆC XỬ LÝ THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC VÀ THU HỒI TÀI SẢN THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC		

D.1. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.		Báo cáo kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong năm 2026. Trong đó, thống kê tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc; số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã xử lý trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu. Đối với các trường hợp đã xử lý, liệt kê cụ thể tên cơ quan, đơn vị, nội dung vụ việc, hình thức xử lý và tài liệu chứng minh (Ví dụ: Kết luận thanh tra, kiểm tra; báo cáo kết quả xử lý trách nhiệm; quyết định xử lý kỷ luật...). Trường hợp không phát sinh thì báo cáo rõ.
D.2. Kết quả xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính với tổ chức, cá nhân có vi phạm		Báo cáo kết quả xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính đối với tổ chức, cá nhân có vi phạm liên quan đến tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong năm 2026. Trong đó, thống kê tổng số tổ chức, cá nhân có vi phạm; số tổ chức, cá nhân đã bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính. Đối với các trường hợp đã xử lý, liệt kê cụ thể tên tổ chức, cá nhân, hành vi vi phạm, hình thức xử lý và tài liệu chứng minh (Ví dụ: Kết luận thanh tra, kiểm tra; quyết định xử lý kỷ luật; quyết định xử phạt vi phạm hành chính; báo cáo kết quả xử lý vi phạm...). Trường hợp không phát sinh thì báo cáo rõ.
D.3. Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực		Báo cáo kết quả xử lý hình sự đối với người có hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong năm 2026. Trong đó, thống kê tổng số người bị khởi tố trong các vụ án liên quan đến tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; số người đã được cơ quan điều tra đề nghị truy tố. Đối với các trường hợp đã đề nghị truy tố, liệt kê cụ thể vụ án, số người, hành vi phạm tội và tài liệu chứng minh (Ví dụ: Quyết định khởi tố bị can; kết luận điều tra, đề nghị truy tố; báo cáo kết quả điều tra, xử lý các vụ án tham nhũng, kinh tế...). Trường hợp không phát sinh thì báo cáo rõ.
D.4. Thu hồi tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực		

D.4.1. Tổng số tiền, tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực phải thu hồi và kết quả thu hồi		Báo cáo kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong năm 2026. Trong đó, thống kê tổng số tiền, tài sản phải thu hồi; số tiền, tài sản đã thu hồi; số còn phải thu hồi. Liệt kê cụ thể các vụ việc có tiền, tài sản phải thu hồi, kết quả thu hồi và tài liệu chứng minh (Ví dụ: Kết luận thanh tra, kiểm tra; quyết định xử lý thu hồi; báo cáo kết quả thực hiện kết luận thanh tra; báo cáo kết quả điều tra, thi hành án; chứng từ nộp tiền, biên bản bàn giao tài sản...). Trường hợp không phát sinh thì báo cáo rõ.
D.4.2. Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực bằng biện pháp hành chính		Báo cáo kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực phát hiện qua công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra, giải quyết tố cáo, phản ánh trong năm 2026. Trong đó, thống kê tổng số tiền, tài sản phát hiện phải thu hồi; số tiền, tài sản đã thu hồi; số còn phải thu hồi. Liệt kê cụ thể từng vụ việc, số tiền, tài sản phải thu hồi, kết quả thu hồi và tài liệu chứng minh (Ví dụ: Kết luận thanh tra, kiểm tra; văn bản kiến nghị thu hồi; quyết định xử lý thu hồi; báo cáo kết quả thực hiện kết luận thanh tra; chứng từ nộp tiền, biên bản bàn giao tài sản...). Trường hợp không phát sinh thì báo cáo rõ.
D.4.3. Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực bằng biện pháp tư pháp		Báo cáo kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua công tác điều tra, thi hành án trong năm 2026. Trong đó, thống kê tổng số tiền, tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực phát hiện phải thu hồi; số tiền, tài sản đã thu hồi; số còn phải thu hồi. Liệt kê cụ thể từng vụ án, vụ việc, số tiền, tài sản phải thu hồi, kết quả thu hồi và tài liệu chứng minh (Ví dụ: Kết luận điều tra; bản án, quyết định của Tòa án; quyết định thi hành án; báo cáo kết quả thi hành án; chứng từ nộp tiền, biên bản giao nhận tài sản...). Trường hợp không phát sinh thì báo cáo rõ.
Đ. ĐIỂM CỘNG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC		

Đ.1. Số thu hồi tiền, tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua công tác thi hành án		Báo cáo kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua công tác thi hành án năm 2026. Trong đó, thống kê tổng số tiền, tài sản phải thi hành; số có điều kiện thi hành; số đã thu hồi; tỷ lệ thu hồi và mức vượt chỉ tiêu Bộ Tư pháp giao. Cung cấp các văn bản, tài liệu chứng minh (Ví dụ: Quyết định, văn bản giao chỉ tiêu thi hành án; báo cáo kết quả thi hành án dân sự; báo cáo kết quả thu hồi tài sản trong các vụ án tham nhũng, kinh tế; văn bản xác nhận kết quả thực hiện chỉ tiêu của cơ quan thi hành án có thẩm quyền...).
Đ.2. Chủ động kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực		Liệt kê các văn bản kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực đã ban hành trong năm 2026 (Ví dụ: Công văn kiến nghị xử lý hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; văn bản chuyển hồ sơ vụ việc có dấu hiệu vi phạm đến cơ quan có thẩm quyền để xem xét, xử lý; kết luận thanh tra, kiểm tra; văn bản kiến nghị xử lý qua công tác giải quyết tố cáo, phản ánh...) và tài liệu chứng minh kết quả thực hiện. Trường hợp không phát sinh thì báo cáo rõ.
E. ĐIỂM TRỪ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC		
E.1. Việc không thực hiện hoặc chậm nộp báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; báo cáo tự đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực		
E.2. Cung cấp hồ sơ, tài liệu minh chứng không chính xác		
E.3. Báo cáo không có tham nhũng, lãng phí, tiêu cực nhưng các cơ quan có thẩm quyền khác lại phát hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực		

E.4. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu UBND cấp tỉnh, cấp trực thuộc UBND cấp tỉnh, cấp xã bị xử lý do tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được các cơ quan khác phát hiện		